SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH **BỆNH VIỆN ĐA KHOA CỦ CHI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1344./TB-BVCC	*An Nhơn Tây, ngày 07 tháng 8... năm 2026.*

THÔNG BÁO CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Củ Chi có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho hạng mục **Mua sắm công cụ dụng cụ và vật tư thay thế lần 3 của Bệnh viện Đa khoa Củ Chi năm 2026** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Củ Chi.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: *Tổ Thầu - số 1307 đường Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Củ, xã An Nhơn Tây, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547.*

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

3.1. Nhận trực tiếp tại địa chỉ: *Tổ Thầu - số 1307 đường Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Củ, xã An Nhơn Tây, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547.*

3.2. Nhận qua email: tothau.bvcc@gmail.com. *(gửi thư bảng báo giá về địa chỉ: Tổ Thầu - số 1307 đường Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Củ, xã An Nhơn Tây, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547)*

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 7.. tháng 8.. năm 2026 đến ngày 13 tháng 8.. năm 2026

- Cụ thể thời gian tiếp nhận báo giá mỗi ngày trong thời hạn quy định như sau:

- Sáng: Từ 07h30 đến 11h30;
- Chiều: Từ 13h30 đến 16h30.

- Các báo giá sẽ được Bệnh viện tiếp nhận trong giờ hành chính các ngày trong tuần *(Bệnh viện sẽ không tiếp nhận báo giá vào ngày thứ 7 và chủ nhật hàng tuần).*

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ thời hạn tiếp nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa: *Chi tiết tại file đính kèm.*

2. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa Củ Chi.

3. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tỷ lệ tạm ứng: không có

- Thanh toán hợp đồng khi trúng thầu:

Hình thức thanh toán: chuyển khoản;

Thời hạn thanh toán: Từ 90-120 ngày kể từ ngày bệnh viện nhận được hóa đơn tài chính và đầy đủ hồ sơ thanh toán (bao gồm: Biên bản nghiệm thu, Mẫu số 08a, Bảng đối chiếu công nợ);

4. Các thông tin khác :

- Nhà thầu vui lòng báo giá theo mẫu *(Đính kèm Mẫu báo giá);*

- Địa điểm cung cấp hàng hóa khi sau trúng thầu và ký kết hợp đồng: Bệnh viện Đa khoa Củ Chi – Địa chỉ: số 1307 đường Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Củ, xã An Nhơn Tây, TP. HCM.

Trân trọng ./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TT (THK. 02b).

BỆNH VIỆN ĐA KHOA CỦ CHI

Nguyễn Tô Bảo Hoàng

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Thông báo số 1344./TB-BVCC ngày.....7...tháng...8.....năm 2026.....)

STT	TÊN CCDC/VTTT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
I	**Công cụ dụng cụ**			
1	Bình chứa dịch 4000ml	Bình hút dịch có nắp, có thể hấp tiệt trùng * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	10
2	Kềm cắt ngược phẫu thuật xoang	- Kiểu hàm hướng lên trên - Kiểu hàm hướng xoay phải - Kiểu hàm hướng xoay trái - Chiều dài làm việc >=10 cm, có cổng vệ sinh - Chất liệu: thép không gỉ - Bite size: 2mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	3
3	Kéo cắt chỉ	Kéo phẫu thuật thẳng, một đầu nhọn và một đầu tù cán mạ vàng các cỡ 16, 18, 20cm. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	20

STT	TÊN CCDC/VTTT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
4	Nhiệt ẩm kế điện tử	Dải đo nhiệt độ: -30^{0}C ~ +60^{0}C; Sai số nhiệt độ: -20^{0}C ~ +40^{0}C, ±0.3^{0}C; dải đo khác ±1.0^{0}C Đơn vị: ^{0}C Dải đo độ ẩm: 0~100%RH Sai số độ ẩm: ±3%RH(25^{0}C, 10~70%RH); dải đo khác ±5.0%RH Độ phân dải: Nhiệt độ 0.1^{0}C; Độ ẩm 0.1%RH Dung lượng: 16000 giá trị Thời gian lấy mẫu: 10s~24h tùy chọn Giao tiếp / xuất dũ liệu: Qua cáp USB Nguồn: Sử dụng Pin hoặc nguồn qua cổng USB Tuổi thọ Pin: Trong điều kiện bình thường pin có thể sử dụng 1 năm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương. Phần mềm tương thích: Hãng cung cấp phần mềm để tải dữ liệu, quản lý và xuất báo cáo (file PDF/Excel/TXT) Lưu ý: Có hiệu chuẩn	Cái	3

STT	TÊN CCDC/VTTT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
5	Nhiệt kế	• Dải đo nhiệt độ: -30°C ~ +60°C • Sai số nhiệt độ: Nhỏ hơn ±0.5°C Nhỏ hơn ±0.7°C từ -25°C đến -20°C & +40°C đến +60°C • Độ phân dải: Nhiệt độ 0.1°C; Độ ẩm 0.1%RH • Dung lượng: 16000 giá trị • Thời gian lấy mẫu: 30s~18h tùy chọn • Cấu hình cảnh báo: 3 giới hạn cảnh báo cao và 3 giới hạn cảnh báo thấp • Giao tiếp: USB • Nguồn: Sử dụng Pin CR2032 • Tuổi thọ Pin: Trong điều kiện bình thường pin có thể sử dụng 1 năm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương. Lưu ý: Có hiệu chuẩn	Cái	5
6	Xe thay băng	Chi tiết theo phụ lục đính kèm danh mục	Xe	4
7	Xe tiêm	Chi tiết theo phụ lục đính kèm danh mục	Xe	7
8	Xe lăn	Chi tiết theo phụ lục đính kèm danh mục	Xe	10

STT	TÊN CCDC/VTTT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
9	Xe lăn	Kích thước: 105 x 68 x 90 cm. Chỗ ngồi: rộng 50: dài: 40, chiều cao tựa lưng: 41 cm - Trọng lượng 21kg - Khung sườn Inox (độ dày ống 1.2 ly). Bánh mâm cao su đặc chắc bền, vành lăn Inox. Nệm ngồi simily. Có gác chân, tăng giảm được. Có thể xếp gọn, tháo ráp dễ dàng. - Đường kính bánh trước: 17cm. Đường kính bánh sau: 60 cm. Đường kính vòng lăn inox: 54 cm Dùng để đẩy người bệnh. Hoặc tự di chuyển. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Xe	7
10	Tủ inox	• Thông số kỹ thuật: • Vật liệu chính: Inox không nhiễm từ SUS 304. • Kích thước: (D x R x C) (800 x 360 x 1.700) mm ±10%. • Khung tủ được làm bằng hộp (25 x 25 x 1) mm ±5%. • Tủ được chia làm 2 phần: Phần khoang trên: Cánh kính trắng dày ≥5mm, có tay nắm và khóa. Các đợt cố định chia thành nhiều ngăn nhỏ. Khoang dưới: Cánh inox. ○ Cao 600mm, phía trong có 01 đợt inox chia khoang làm 01 phần đều nhau. ○ Cánh có tay nắm riêng biệt và khóa. ○ Chân cao > 80mm, có bọc nút cao su êm, trong đó có 1 chân có vít tăng chỉnh.	Cái	1

STT	TÊN CCDC/VTTT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
11	Máy hút dịch di động	Tốc độ: > 40 Lít/phút. Áp lực chân không: > 650 mmHg. Dung tích : 2 x 2.000 c.c. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	2
12	Đầu dò siêu âm	Tương thích với máy Sonopuls 490/ Enraf-Nonius * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	1
13	Chén chung Inox	kích cỡ số 3 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	6
14	Xe đẩy 2 tầng Inox	Được làm bằng Inox 304, chất liệu không rỉ sét, dầy, chắc, 4 bánh xe to chịu được trọng lượng Kích thước: Ngang 80cm,rộng58cm, cao 80cm (Tính từ sàn lên mặt trên mặt trên)	Xe	4
15	Ẩm kế-Nhiệt kế	Nhiệt độ đo từ -20 độ C đến 100 độ C Độ ẩm Từ 0%RH đến 100%RH Độ chính xác nhiệt độ ±1 độ C (10 – 30 độ C), ±2 độ C (khác) Độ chính xác độ ẩm ±5%RH (40% – 75%RH), ±7%RH (25 – 40%RH), ±9%RH (khác) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương. Lưu ý: Có hiệu chuẩn	Cái	7
16	Curet (Curette) 1 đầu thủng dùng trong chấn thương	Curet 1 đầu, Chất liệu: Inox không gỉ * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	2

STT	TÊN CCDC/VTTT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
17	Hộp gòn	Hộp gòn nhỏ (phi 7.5xcao 6) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Hộp	9
18	Máy đo huyết áp tự động OMRON(Có cảm biến) hoặc tương đương	Giới hạn đo: Huyết áp: Từ 0 đến 299 mmHg Nhịp tim: Từ 40 đến 180 nhịp/phút Độ chính xác: Huyết áp: +- 3 mmHg Nhịp tim: +- 5 % Cơ chế hoạt động: Tự động bơm xả khí và đo giao động, màn hình LCD Vòng bít có nhiều lựa chọn phù hợp với bắp tay người lớn, trẻ em. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	1
19	Kẹp lấy dị vật mũi	Chất liệu: inox hoặc thép không rỉ + Kích thước: từ 8.5 từ 16cm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	5
20	Ống hút mũi các cỡ	Cán có lỗ có thể điều chỉnh lực hút bằng tay - Chất liệu: inox hoặc thép không rỉ -Kích thước: từ 14 đến 20cm - Công dụng: Hút dịch mũi họng, hỗ trợ trong phẫu thuật (hút dịch, máu). * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Ống	10

STT	TÊN CCDC/VTTT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
21	Banh mũi người lớn và trẻ em	Chất liệu inox hoặc thép không gỉ - Các kích thước thích hợp cho người lớn và trẻ em - Dùng để khám và thực hiện các thủ thuật mũi xoang * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	10
22	Tủ inox	Tủ thuốc y tế inox thường • Vật liệu chính: Inox • Kích thước: (D x R x C) (800 x 360 x 1.700) mm ±10%. • Khung tủ được làm bằng hộp (25 x 25 x 1) mm ±5%. • Tủ được chia làm 2 phần: - Khoang trên:Cao 900 mm, có 2 đợt sàn phẳng bằng inox. 2 cánh lắp kính trắng 5 mm, có khoá chắc chắn. - Khoang dưới:Cao 600mm có 2 cánh bằng inox, có chốt và khoá chắc chắn. ○ Cánh có tay nắm riêng biệt và khóa. ○ Chân cao > 80mm, có bọc nút cao su êm, trong đó có 1 chân có vít tăng chỉnh.	Cái	1

STT	TÊN CCDC/VTTT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
23	Giường thủ thuật/tiểu phẫu TMH	Chất liệu inox SUS 201 hoặc 304 Kích thước: Ngang 600 x Dài 1800 x Cao 700 mm Mặt bàn inox tấm dày 0.7mm Khung, dàn chân inox ϕ 31.8 và 25.4 dày 1mm Tấm nâng đầu inox dày 0.7 mm, điều chỉnh 0 - 60 độ Nâng hạ 2 chiều lên xuống Nệm bọc simili giả da 5 cm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	1
24	Tua vis hình sao 2.5 , 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, 6.0	Tua vis hình sao các cỡ: 2.5, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, 6.0 chuyện dụng trong mổ chỉnh hình * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	12
25	Tua vis lục giác 2.5 , 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, 6.0	Tua vis lục giác các cỡ: 2.5, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, 6.0 chuyện dụng trong mổ chỉnh hình * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	12
26	Dũa tăm bông (Que tăm bông inox)	Chất liệu: inox không gỉ - Chức năng: quấn bông vào đầu tăm inox để làm các công việc vệ sinh tai, vết thương. Có thể tái sử dụng nhiều lần bằng cách tiệt trùng * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Que	10

STT	TÊN CCDC/VTTT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
27	Đèn tiểu phẫu	Bóng đèn: 12V-20W Chóa đèn: Đèn tiểu phẫu Ánh Sáng lạnh Cổ định vị xoay đến gần 360 độ, khoảng rộng 30cm + 30cm Có thể điều chỉnh chiều cao: từ 1m – 1,7m * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	1
28	Đèn sưởi	Công suất: 250w Điện thế: Tùy thuộc vào bóng đèn.Điều chỉnh chiều cao từ 1m-1,7m Cổ định vị xoay linh động đến gần 360 độ * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	2
29	Cây đèn hồng ngoại	Công suất: 250w Điện thế: Tùy thuộc vào bóng đèn.Điều chỉnh chiều cao từ 1m-1,7m Cổ định vị xoay linh động đến gần 360 độ * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	5
30	Đèn đọc phim	Đèn led -Vỏ đèn bằng inox -Có núm vặn điều chỉnh độ sáng. -Miếng kẹp phim bằng silicon -Nguồn điện: 220 VAC -Kích thước: 45cm x 72cm -Có thể treo tường hoặc để bàn * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	1

STT	TÊN CCDC/VTTT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
31	Hộp Inox đựng dụng cụ các cỡ	Hộp Đựng Dụng Cụ sạch - Chất liệu: inox - 1 hộp cỡ: 32 x 20 x 7cm, 1 hộp cỡ: 22 x 13 x 5cm - Hộp chữ nhật có nắp đậy * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Hộp	2
II	**Vật tư thay thế**			
32	Cảm biến oxy dùng cho máy thở	Tương thích máy thở Model 840, hãng Covidien * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	6
33	Cảm biến lưu lượng dùng cho máy thở	Tương thích máy thở SAVINA 300, hãng Draeger * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	6
34	Dây điện xung	Tương thích với máy điện xung KWD 808I * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Dây	300
35	Adapter máy châm cứu	Tương thích với máy điện xung KWD 808I * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	50
36	Dây điện cực máy kích thích thần kinh cơ	Tương thích với máy Endomed 482 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Dây	6
37	Dây điện cực máy xung điện	Tương thích với máy BTL 4000 Smart * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Dây	6
38	Núm điện cực máy điện tim	Tương thích với máy đo điện tim ECG 1150, hãng Nihon Kohden * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	6

STT	TÊN CCDC/VTTT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
39	Dây điện cực máy châm cứu chui tròn (1 dây có 4 điện cực)	Tương thích với máy điện xung KWD 808I * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Dây	200
40	Dây điện cực máy châm cứu chui tròn (1 dây có 2 điện cực)	Tương thích với máy điện xung KWD 808I * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Dây	300
41	Dây nguồn sáng (Dây dẫn sáng)	Tương thích với nguồn sáng của hãng kator của Bệnh viện đang sử dụng. Halogen 250 twin	Dây	1
42	Cáng vận chuyển bệnh nhân (cáng tay)	- Kích thước (Dài x Rộng): 2080mm x 550mm (sai số 5%) - Chất liệu: Khung thép sơn tĩnh điện, phần nằm bằng vải bạt. - Chân cáng: chiều cao từ 100mm đến 135 mm, có bọc cao su hoặc nhựa cứng. - Đầu cáng có nắm bọc cao su nhựa cứng, có khía chống trơn trượt. - Cán có thể gấp gọn theo chiều ngang và dọc. - Tải trọng: ≥ 120 kg - Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	4
43	Forcep phẫu thuật BLANKESLE	- Hàm cong lên 45 độ, 90 độ - Có cổng vệ sinh, chiều dài làm việc 13 cm - Chất liệu: thép không gỉ * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	2
44	Cảm biến oxy dùng cho máy thở	Tương thích máy thở Model C3,G5 hãng Hamilton * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	2

STT	TÊN CCDC/VTTT	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
45	Van thở ra kèm cảm biến lưu lượng cho máy thở	Tương thích máy thở Carescape R860, hãng GE * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	1
46	Cảm biến lưu lượng thở ra dùng cho máy thở	Tương thích máy thở Model 840, hãng Covidien * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	6
47	Cảm biến lưu lượng dùng cho máy thở	Tương thích máy thở C300, hãng Drager * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	2
48	Ruột huyết áp cơ	Ruột cao su cho máy đo huyết áp cơ * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	50
49	Van huyết áp cơ	Van điều chỉnh khí cho máy đo huyết áp cơ * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	30
50	Bóng đèn hồng ngoại	Bóng đèn hồng ngoại công suất 250W * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE/ TCCS hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	10

Mô tả cấu hình- thông số kỹ thuật xe lăn

	Mô tả cơ bản	Mô tả hình ảnh	Hình ảnh thực tế
Tổng thể xe lăn	- Kích thước: 105 x 69 x 90 cm. - Khung sườn Inox (độ dày ống 1.2 ly). - Trọng lượng 21kg - Đặc điểm: • Chỗ ngồi: rộng 45: dài: 40, • Chiều cao tựa lưng: 40 cm • Đường kính bánh trước: 17cm. • Đường kính bánh sau: 60 cm. • Đường kính vòng lăn inox: 54 cm • Dùng để đẩy người bệnh. Hoặc tự di chuyển • Bánh mâm cao su đặc chắc bền, vành lăn Inox. Nệm ngồi simily. Có gác chân, tăng giảm được. Có thể xếp gọn, tháo ráp dễ dàng.		

Mặt sau xe lăn	- Vị trí: trụ cây truyền dịch - Cột chính : 1 ống inox đứng, hàn cố định vào chân đế. - Số lượng: 01 cây Kích thước: (dài x rộng x cao): 150 x 2.5 x 150cm. - Móc treo dịch truyền: 2 móc, bắt vào đỉnh ống trượt bằng ốc. - 1 bản meca hình tròn, được gắng vào đỉnh ống	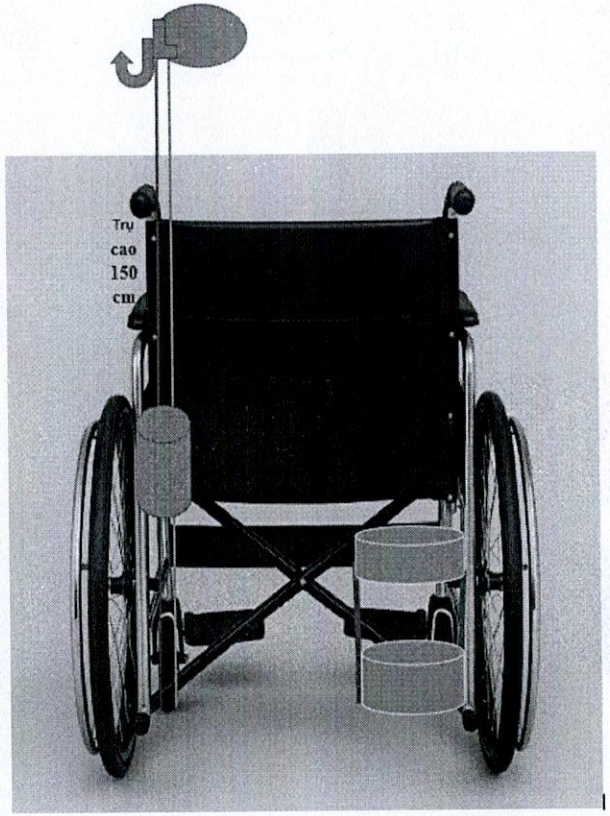	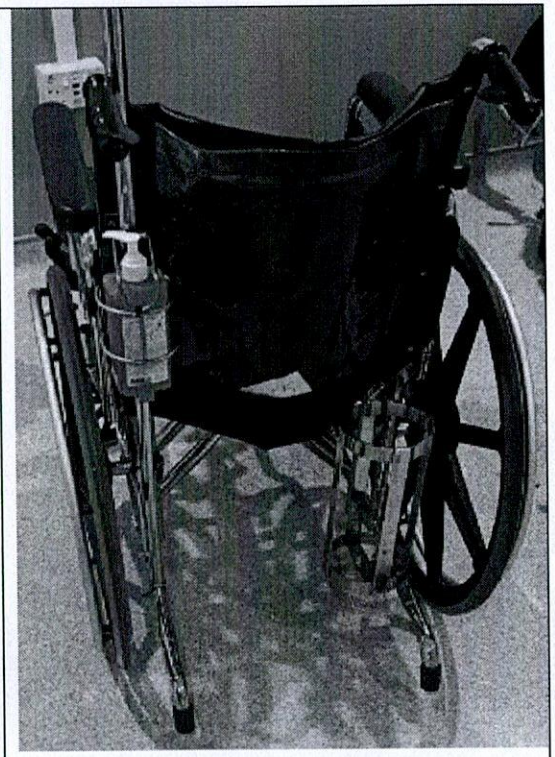

			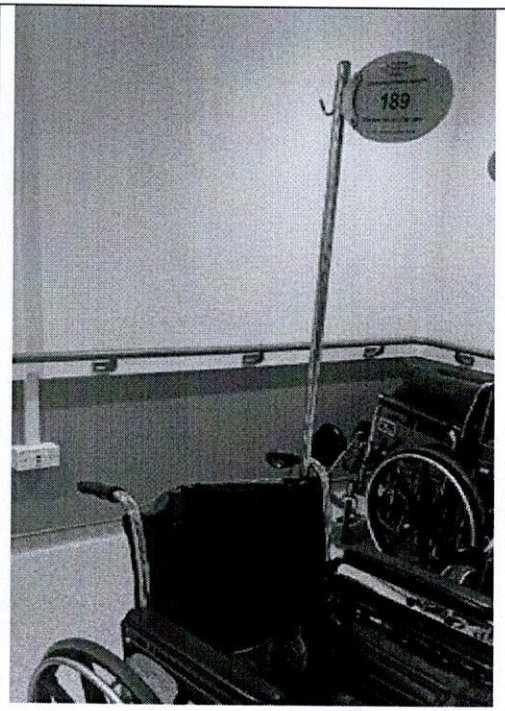

Mặt sau xe lăn	- Giá đỡ chân xe lăn: - Số lượng : 2 giá - Vị trí: nối giữa 2 ống khung dọc cách mặt đất khoảng 3-5 cm. - Kích thước: dài 26 cm Bên phải: có giá đỡ bình oxy được gắng vào giá đỡ chân xe lăn. Bên trái: trụ cây giá truyền dịch được gắng vào giá đỡ chân xe lăn, trên cây có bình sát khuẩn tay nhanh, Móc treo dịch truyền: 2 móc, bắt vào đỉnh ống trượt bằng ốc, 1 bản meca hình tròn, được gắng vào đỉnh ống.	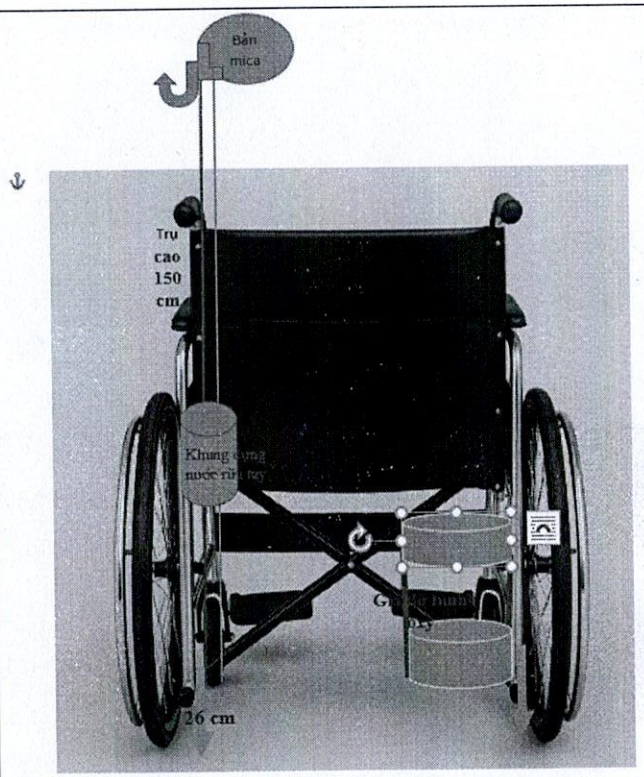	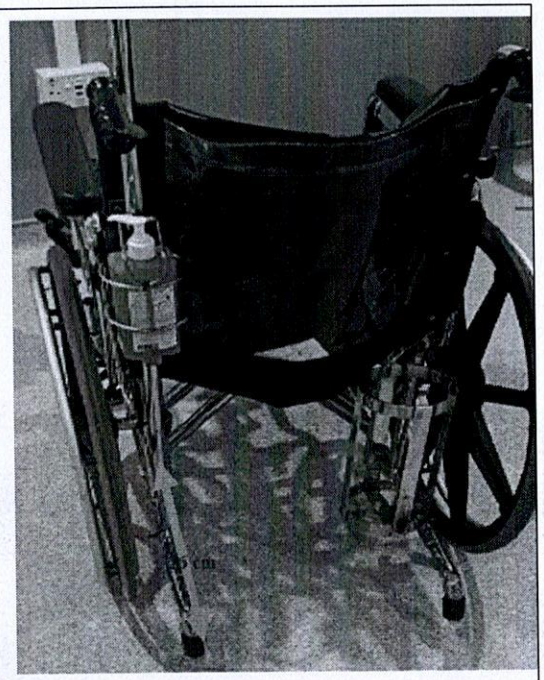

Mô tả cấu hình- thông số kỹ thuật xe tiêm

	Mô tả cơ bản	Mô tả hình ảnh	Hình ảnh thực tế
Tổng thể xe tiêm	- Xe tiêm 3 tầng có 1 ngăn kéo. - Chất liệu: inox không rỉ - Kích thước: (dài x rộng x cao): 90x50x100 cm. - Đặc điểm: • Mặt khay tiêm bằng inox tấm dày bằng phẳng 0.8mm được chấn gấp bằng máy thủy lực, đường nét sắc sảo, chắn chắn. • Khung xe ống inox phi 25x1 mm • 4 bánh xe đường kính 75 mm, trong đó 2 bánh có khóa. • Xe có 1 ngăn kéo • Các mối hàn được thực hiện bằng công nghệ hàn TIG có khí Ar bảo vệ chống ôxi hóa.	**Tổng thể** 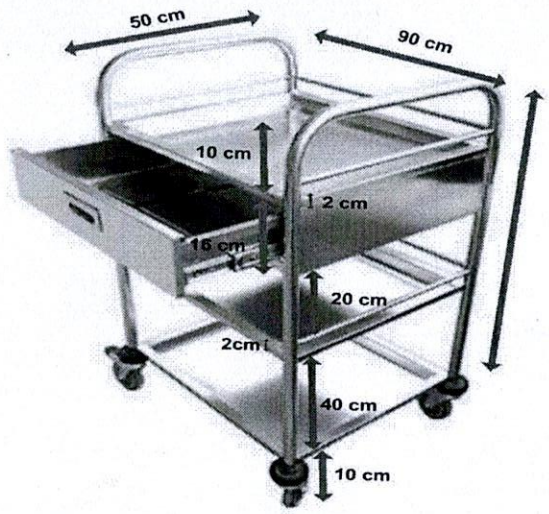 	

Mặt trái xe tiêm	- Vị trí: Gắn tại tầng 3 - Số lượng: 02 hộp • Hộp 1: Kích thước: (dài x rộng x cao): 12x12x14 cm. • Hộp 2: Kích thước: (dài x rộng x cao): 38x20x25 cm.	Mặt trái 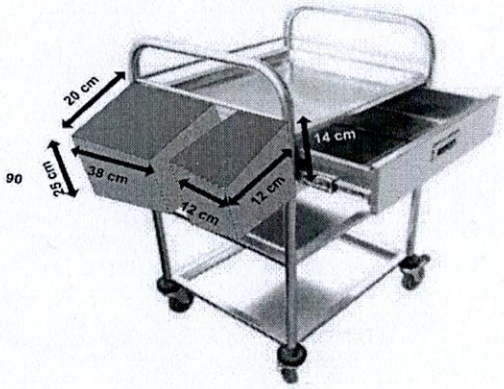	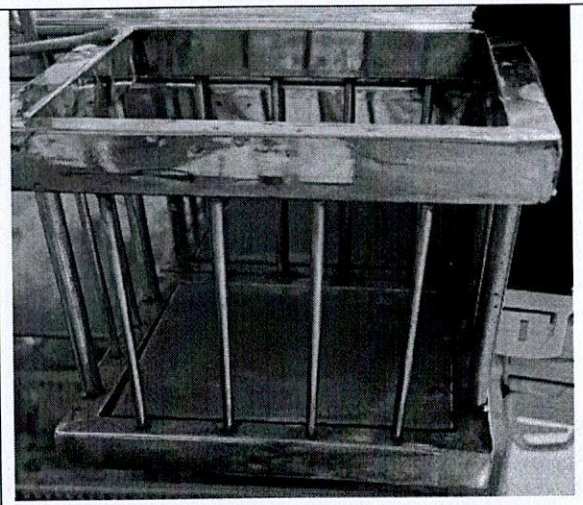
Mặt phải xe tiêm	- Vị trí: gắn vào tầng 2 - Số lượng : 01 hộp - Kích thước: (dài x rộng x cao): 27x17x14 cm.	Mặt phải 	

Mặt trước xe tiêm	-Vị trí: gắn tầng 3 -Số lượng: 02 • Hộp 1: Kích thước: (dài x rộng x cao): • 45x25x40cm. • Hộp 2: Kích thước: (dài x rộng x cao): 45x25x40cm.	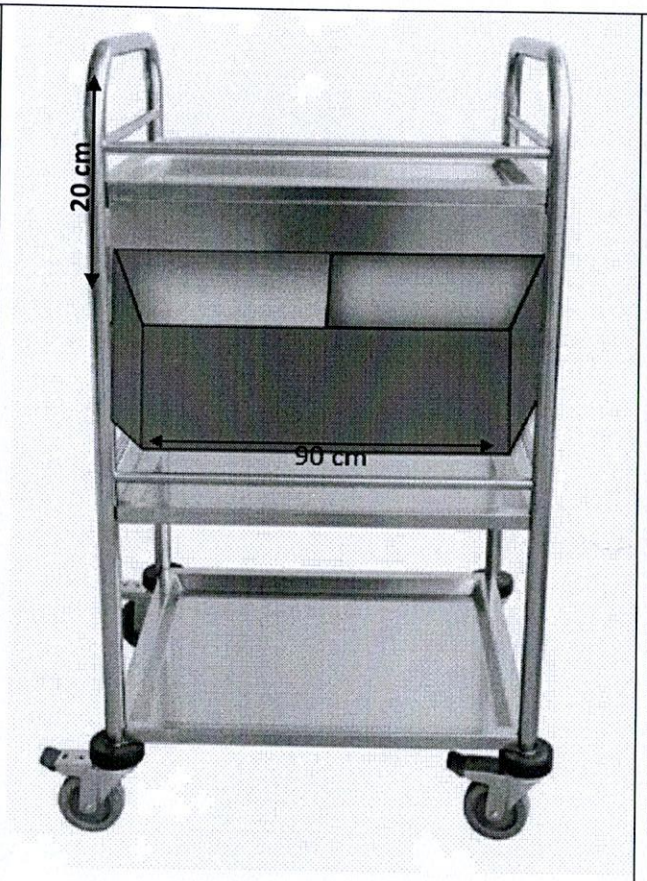	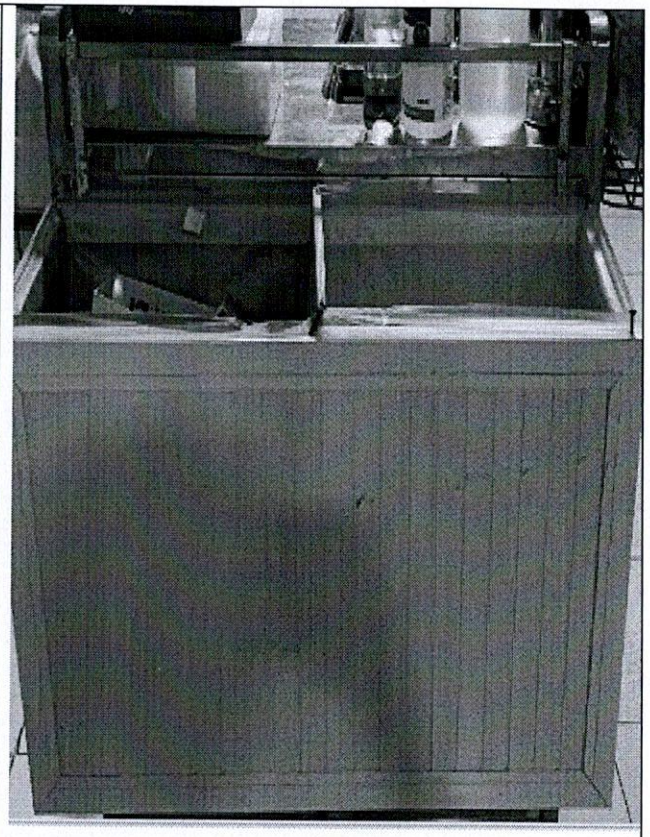

Ngăn kéo xe tiêm	-Số lượng: 01 -Trong ngăn kéo chia làm 6 ngăn: • Ngăn trong chia 2 ô, mỗi ô 45 cm • Ngăn ngoài chia 4 ô, mỗi ô 22.5 cm	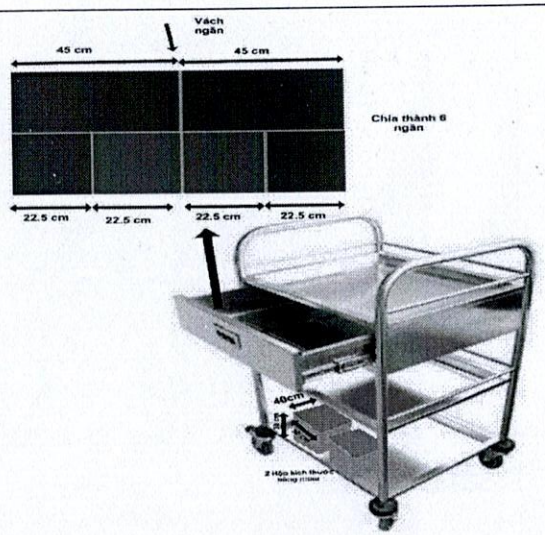	
Tầng 3	-Vị trí: tầng 1 -Số lượng: 02 hộp -Yêu cầu: mặt phẳng không lỗ - Kích thước: (dài x rộng x cao): 40x30x30cm.	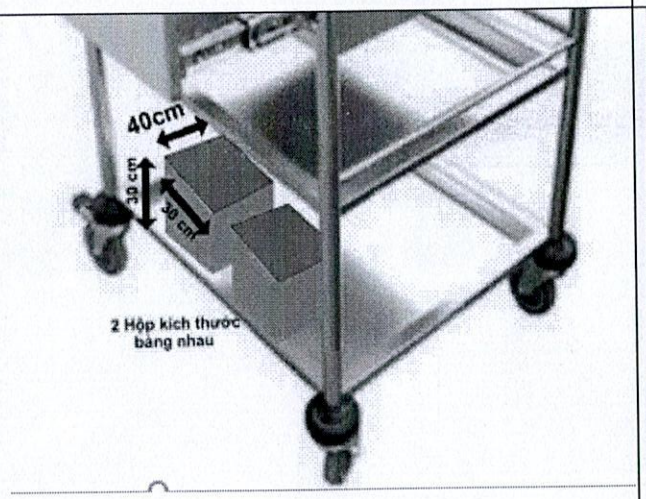	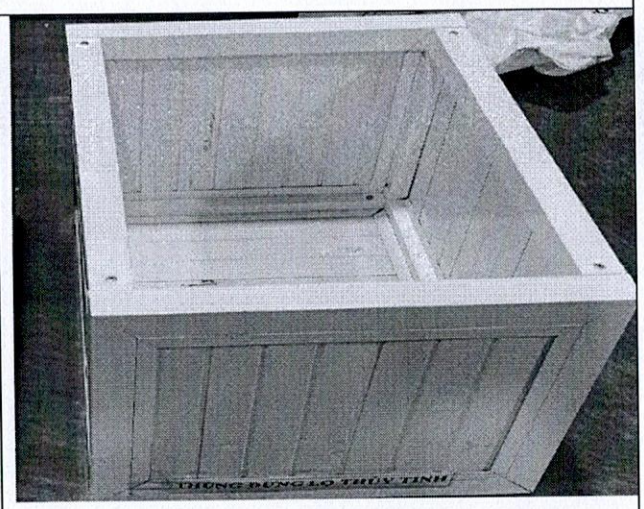

Bánh xe	- Số lượng: 04 - Yêu cầu: bánh xe có khóa (2 bánh) - Kích thước: cao 10cm	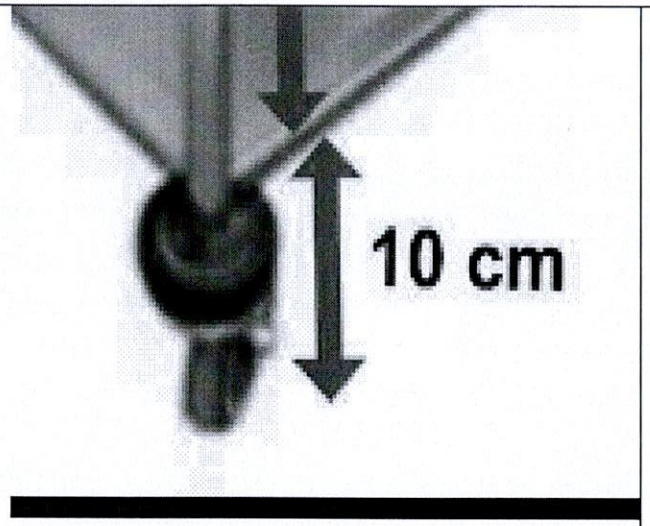	

Mô tả cấu hình - thông số kỹ thuật xe thay băng

Vị trí	Mô tả/thông số	Hình ảnh minh họa
Tổng thể	*** Xe được thiết kế dạng khung mở, cấu trúc chắc chắn, di chuyển linh hoạt. - Chất liệu tổng thể: Inox 304 không gỉ, chống ăn mòn, độ bền cao, dễ vệ sinh - khử khuẩn. - Cấu trúc: Khung ống tròn inox hàn chắc chắn, các góc bo tròn tránh gây chấn thương. - Số tầng: 2 tầng. - Tải trọng và vệ sinh: 30 - 50 kg mỗi tầng, dễ vệ sinh, không góc chết, mối hàn mịn. - Kích thước tổng thể (DxRxC): 60x40x**88** cm (chiều cao đã tính luôn bánh xe và thành chắn tầng trên). *** Chi tiết vật liệu - kỹ thuật: - Khung xe: + Inox 304 dạng ống tròn Ø 2.5 cm sáng bóng, dễ vệ sinh. + Mối hàn TIG/Argon liền mạch, mài bóng, không ba via. - Mặt tầng: gồm 2 tầng: + Khoảng cách giữa 2 tầng: 55 cm + Inox 304 tấm 1.0 mm, uốn cong các cạnh (chấn gấp) xuống 2.5 cm. + Bề mặt phẳng được xử lý chống trầy, sáng bóng. + Thành chắn cao 5 cm chống rơi dụng cụ. - Bánh xe: 4 bánh cao su y tế, chịu lực, xoay 360°, di chuyển êm: + Kích thước: 10 cm. + Trục thép không gỉ, vòng bi chắc chắn. + 2 bánh có khóa chuyên dụng chống trượt.	

	- Phụ kiện kèm theo: + 1 Giỏ Inox dạng khung đặt hai bên hông xe (tổng 2 giỏ) + 1 Ngăn sau chứa dụng cụ chia 2 ngăn nhỏ. + 1 Ngăn kéo ở mặt dưới tầng trên	
Mặt trước	- Tầng trên và tầng dưới là mặt phẳng, sáng bóng, Inox 304 tấm 1.0 mm, uốn cong các cạnh (chấn gấp) xuống 2.5 cm. - Kèm ngăn kéo phía trước (dưới tầng trên), trượt nhẹ, có tay nắm inox: + Kích thước (DxRxC): 60x40x12 cm + Độ dày: tấm Inox 304 0.8mm + Được che bởi 3 bảng chắn (mặt trái – mặt phải – mặt sau) - Thành chắn của tầng trên và tầng dưới (gồm 3 mặt: mặt trái – mặt phải – mặt sau) cao 5 cm, dạng ống tròn Ø 1 cm.	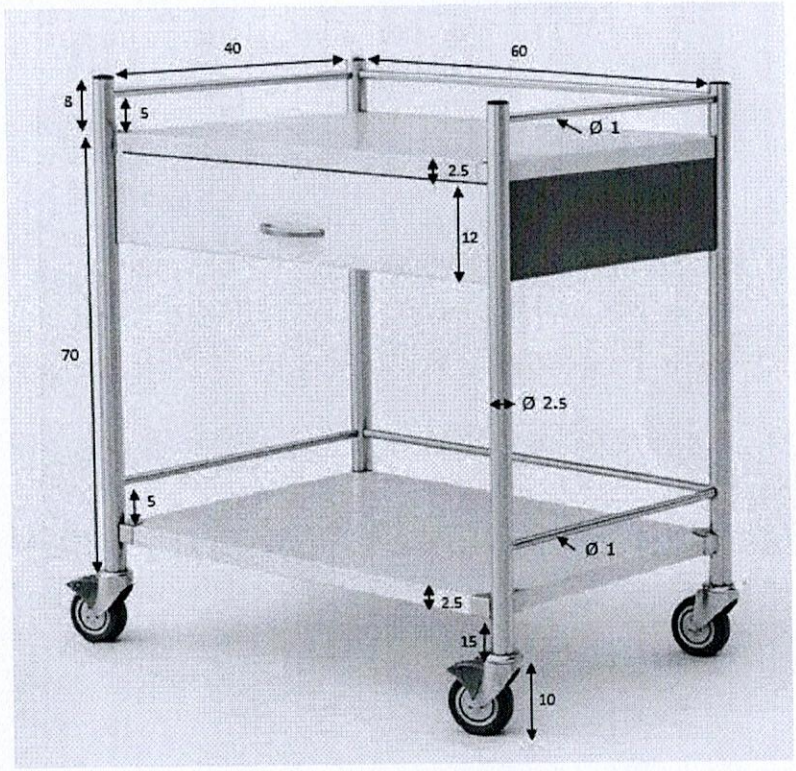

Mặt trái	- Được bố trí 1 giỏ Inox 304 dạng khung dính bên hông: + Kích thước (DxRxC): 36x25x30 cm, khoảng cách giữa các thanh 10 cm. + Khung Inox dẹt dày 1.2 mm, rộng 1 cm, chịu lực tốt.	
Mặt phải	- Được bố trí 1 giỏ Inox 304 dạng khung dính bên hông: + Kích thước (DxRxC): 36x25x30 cm, khoảng cách giữa các thanh 10 cm. + Khung Inox dẹt dày 1.2 mm, rộng 1 cm, chịu lực tốt.	

Mặt sau	- Gắn thêm 1 ngăn ngoài phía sau xe: + Kích thước ngăn (DxRxC): 60x13x12 cm, trong đó chia làm 2 ngăn nhỏ, kích thước (DxRxC): 30x13x12 cm. + Khung inox dẹt dày 1.2 mm, rộng 1 cm, chịu lực tốt. + Có tấm bảng chắn ở mặt đáy của ngăn dày 0.8 mm.	

TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Củ Chi

"……(tên đơn vị)….., có địa chỉ tại……, số đăng ký kinh doanh….., số điện thoại liên hệ ....., email ....."
Căn cứ thông báo mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa Củ Chi và khả năng cung cấp của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý viện bản báo giá các hàng hóa như sau:

STT	STT theo thư mời chào giá	Tên danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Mã ký hiệu/ Chủng loại	Thành phần, chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Hãng/ Nước Chủ sở hữu	Năm sản xuất	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Tiêu chuẩn chất lượng	Thời gian giao hàng	Giá trúng thầu tại các CSYT (nếu có)	Tên đơn vị trúng thầu (nếu có)	Ghi chú
1																				
2																				
....																				
TỔNG CỘNG (..... KHOẢN)																				
Bằng chữ:																				

Ghi chú:
1. Nhà thầu điền đầy đủ thông tin và các giấy tờ liên quan (nếu có).
2. Giá chào là giá đã bao gồm phí vận chuyển, bàn giao, các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).
3. Báo giá có hiệu lực:…… kể từ ngày báo giá.
4. Nội dung nào không có thông tin nhà thầu để trống.

....., Ngày ... tháng .... năm ....
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)